TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Vũ Thị Phượng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Sỹ Luận
Ông Nguyễn Hoàng Hanh
- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Dạ Lan - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều P, sinh năm 1998 (Có mặt)
Địa chỉ: Đội 5, thôn P, xã PT, thị xã PL, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Ông Cao Văn B, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã PT, huyện PR, tỉnh Bình Phước
(Bị đơn Cao Văn B có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P trình bày*:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương vào ngày 08/9/2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PR vào ngày 10/01/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại thôn Đ, xã PT, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, có lần xảy ra đánh nhau. Theo bà P, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau; ông B không lo cho vợ con, nhỏ nhen, ích kỷ, quản lý từng cuộc điện thoại của bà P; không tôn trọng, coi thường gia đình bà, có lần xuống nhà ba mẹ vợ

chửi bới, xúc phạm. Bà P có khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông B không sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, cuộc sống trở lên bức bí, ngột ngạt, ức chế. Vợ chồng bà cũng đã nhiều lần nói đến chuyện ly hôn.

Từ tháng 02 năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình cố gắng khuyên nhủ, hàn gắn để đoàn tụ, tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả. Đến nay, bà P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích chung sống hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Cao Văn B.

[*2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Cao Nguyễn Hoàng Anh, sinh ngày 24/01/2017. Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2018, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung mà để bà tự thỏa thuận với ông B.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn B trình bày*:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phương về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P là trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PR.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông không xảy ra mâu thuẫn. Khi sinh con, bà Phương xin về nhà mẹ đẻ để sinh. Từ đó đến nay, bà P không về chung sống cùng ông, ông không biết lý do.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P, ông không đồng ý ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Cao Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 24/01/2017. Khi ly hôn, ông bà tự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ cho thấy bà Phương và ông B đã phát sinh mâu thuẫn nên dẫn đến việc sống ly thân từ tháng 2/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nên việc yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phương với ông Ba.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn B. Bị đơn ông Cao Văn B có nơi cư trú tại thôn Đ, xã PT, huyện PR, tỉnh Bình Phước vì vậy Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn" và căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn ông Cao Văn B có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]

Về nội dung vụ án:

[a] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phương, ông Ba được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, huyện Phú Riềng là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều P, Hội đồng xét xử nhận định: Lời trình bày của ông B, bà Phương không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng thống nhất về khoảng thời gian sống ly thân là từ tháng 02/2017. Thời gian bà P về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã PT, thị xã PL sống, ông B vẫn sống tại thôn Đ, xã PT, huyện PR, không ai quan tâm đến ai. Theo xác minh tại địa phương được biết: Giữa ông B, bà P có mâu thuẫn vợ chồng, từ tháng 02/2017 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, đến thời điểm này, không có biện pháp nào để đoàn tụ, cùng chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có sắp xếp, tổ chức hòa giải cho các bên đoàn tụ về chung sống nhưng ông Cao Văn B vắng mặt. Điều này thể hiện ông B không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ cùng chung sống với bà P.

Từ những căn cứ trên, có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân của ông Ba, bà Phương đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P.

[b] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều P ly hôn với ông Cao Văn B.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 026378 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Cao Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Phượng